TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/KDTM-ST
Ngày: 09 - 5 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng thi công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Hoài Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương.

2. Bà Lê Thị Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lý Loan – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 05 và 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 54/2023/TLST-KDTM ngày 06/12/2022 về việc "tranh chấp hợp đồng thi công" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 4 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng B; trụ sở: Lầu 2, Lô B1, Đường số 7, KDC L, Phường L, thành phố Đ, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lã Văn H, sinh năm 1951; địa chỉ thường trú: 212/327/9 Nguyễn Văn N, phường T, Quận 1, Thành phố H (theo Giấy uỷ quyền ngày 21/5/2022), có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

2. *Bị đơn*: Công ty TNHH K (tên cũ: Công ty cổ phần KHC V); trụ sở: Số 9/14 Khu phố Đ, phường V, thành phố T, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lầu Năm T, sinh năm 1975; địa chỉ thường trú: 544/42 Q, Phường 5, Quận 11, Thành phố H, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần KHC G; trụ sở: The V, số 39 đường số 10, khu phố 2, phường P, thành phố Đ, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Ngọc L, sinh năm 1977; địa chỉ thường trú: 544/42 Q, Phường 5, Quận 11, Thành phố H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 03/6/2022, các lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Nguyên Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng B (gọi tắt Công ty B) có ký hợp đồng thi công công trình Roxana Plaza số 9/14 Khu phố Đ, phường V, thành phố T, tỉnh B với Công ty cổ phần KHC V (Chuyển đổi từ Công ty cổ phần Xây Dựng V, hiện nay có tên là Công ty TNHH K - gọi tắt là Công ty KHC) theo Hợp đồng thi công công trình số: 0002/2019/TDTC/VVC thi công phần thô của phần thân Block B khu căn hộ (Phần nhân công + thiết bị + vật tư, "gói thầu 3", từ Đợt 1 đến Đợt 9).

Theo đó, Công ty B đã thực hiện thi công gói thầu trên và các phát sinh cho Công ty KHC tại công trình đến ngày 25/12/2020 với tổng số tiền: 37.705.434.518 đồng.

Trong quá trình thi công, Công ty KHC đã thanh toán cho Công ty B tổng số tiền 31.605.450.746 đồng, còn lại số tiền 6.099.983.772 đồng chưa thanh toán. Trong đó gồm: Đã xuất hoá đơn GTGT: 3.103.499.529 đồng và phần công nợ các phát sinh chưa xuất hoá đơn GTGT: 2.996.484.243 đồng. Cụ thể như sau:

- Khối lượng nghiệm thu của Hợp đồng số 0002/2019/HDTC/VVC Đợt 1 đến Đợt 9 (mục 3.1 trong Biên bản họp số 72-20/BBH-VVC ngày 22/12/2020) giá trị 31.168.085.395 đồng, đã thanh toán 27.993.398.212 đồng, sau khi đã trừ tiền bảo hành 1.558.404.270 đồng, còn nợ 1.616.282.913 đồng.

- Khối lượng nghiệm thu của Phụ lục 5 Hợp đồng số 0008/2019/PLHDTC/VVC - Đợt 1 đến Đợt 5 (mục 3.2 trong Biên bản họp số 72-20/BBH-VVC ngày 22/12/2020) giá trị 2.705.242.059 đồng, đã thanh toán 1.587.052.534 đồng, còn lại 1.118.189.525 đồng.

- Khối lượng nghiệm thu của Phụ lục 5 Hợp Đồng số 0008/2019/PLHDTC/VVC - Đợt 6 (hóa đơn số 0000069 đính kèm).

- Khối lượng nghiệm thu của Phụ lục 5 Hợp Đồng số 00010/2020/PLHDTC/VVC - Đợt 1 (hóa đơn số 0000070).

- Các phát sinh cho Công ty KHC tại công trình trên đến 25/12/2020 số tiền 2.996.484.243 đồng (mục 1.2.2 trong Bảng tổng hợp công nợ).

Ngày 22/12/2020, Công ty KHC có biên bản xác nhận cam kết lộ trình thanh toán cho Công ty B (Biên bản họp số 72-20/BBH-VVC ngày 22/12/2020 đính kèm) nhưng Công ty KHC đã không thanh toán đầy đủ như cam kết mà chỉ mới thanh toán mục 3.4.1 ngày 23/12/2020, mục 3.4.2 ngày 25/01/2021 và mục 3.4.3 vào ngày 02/03/2021 và ngày 15/03/2021.

Đến ngày 14/01/2021, Công ty cổ phần KHC G (sau đây gọi tắt là Công ty KHC G) cam kết đại diện thanh toán cho Công ty B thay cho Công ty KHC thể hiện tại Biên bản họp số 01/21/BBH-KHC cùng ngày. Tuy nhiên sau đó, cả Công ty KHC và Công ty KHC G đều lẩn tránh việc thanh toán cho Công ty B, Công ty B đã nhiều lần điện đàm, gửi công văn vẫn không đáp ứng. Do quyền lợi bị ảnh hưởng nên Công ty B đã khởi kiện yêu cầu Toà án xem xét giải quyết các nội dung sau:

- Buộc Công ty Cổ phần KHC V và Công ty Cổ phần KHC G phải liên đới thanh toán nợ gốc, số tiền 6.099.983.772 đồng cho Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng B.

- Buộc Công ty Cổ phần KHC V và Công ty Cổ phần KHC G phải liên đới thanh toán lãi tạm tính từ ngày 02/04/2021 đến xét xử là 23 tháng x 10,3%/năm x 150% quá hạn = 1.806.357.693 đồng.

Tổng số tiền mà Công ty Cổ phần KHC V và Công ty Cổ phần KHC G phải liên đới thanh toán cho Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng B là 6.099.983.772 đồng + 1.806.357.693 đồng = 7.906.341.465 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện như sau:

1. Nguyên đơn rút một phần yêu cầu đối với số tiền nợ gốc phải thanh toán là 3.832.107.064 đồng, không yêu cầu áp dụng lãi suất quá hạn đối với số tiền yêu cầu. Đồng thời thay đổi về thời gian tính lãi suất đối với số tiền chậm thanh toán.

2. Buộc Công ty Cổ phần KHC V và Công ty Cổ phần KHC G liên đới thanh toán cho nguyên đơn số tiền 2.267.876.708 đồng còn thiếu theo Biên bản họp số 72/20/BBH/VVC ngày 22/12/2020 đã được hai bên xác nhận.

3. Buộc Công ty Cổ phần KHC V và Công ty Cổ phần KHC G phải liên đới thanh toán lãi tạm tính từ ngày 05/04/2021 đến ngày 05/5/2023 là 25 tháng với số tiền nợ gốc 2.267.876.708 đồng x 25 tháng x 10%/năm = 472.474.314 đồng.

Ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu thêm nội dung nào khác.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Hợp đồng thi công xây dựng công trình số: 0002/2019/TDTC/VVC *ngày 23/01/2019 kèm bảng tổng hợp kinh phí dự toán ngày 23/01/2019, Phụ lục 5 và 6 hợp đồng (chứng thực bản sao); Hoá đơn giá trị gia tăng số 0000069 ngày 18/01/2021 và Hoá đơn giá trị gia tăng số 0000070 ngày 18/01/2021 (bản photo); Biên bản họp số 72-20/BBH-VVC ngày 22/12/2020; biên bản họp số 01/21/BBH-KHC ngày 14/01/2021 và biên bản họp liên quan đến việc thi công và quyết toán kinh phí (bản photo); Hồ sơ pháp lý của Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng B (bản sao) và một số giấy tờ khác có liên quan.*

** Bị đơn Công ty cổ phần KHC V (tên mới: Công ty TNHH K) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần KHC G* đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty vẫn không đến làm việc, không ủy quyền cho ai đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, nhận thấy: Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc trả tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên đới thanh toán nghĩa vụ cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền thi công phát sinh theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số: 0002/2019/TDTC/VVC ngày 23/01/2019 nên đây là tranh chấp hợp đồng thi công theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty cổ phần KHC V thay đổi tên công ty thành Công ty TNHH K ngày 25 tháng 7 năm 2022, có trụ sở tại: Số 9/14 Khu phố Đ, phường V, thành phố T, tỉnh B. Do đó, theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương có thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án.

[1.3] Về thủ tục tố tụng:

Đối với nguyên đơn trong thời gian nghị án kéo dài, nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt tại buổi tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định tại các Điều 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng không tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay. Do vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điểm b Khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và xem như bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã từ bỏ quyền chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Theo hợp đồng Hợp đồng thi công xây dựng công trình số: 0002/2019/TDTC/VVC ngày 23/01/2019 được ký kết giữa Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng B với Công ty Cổ phần Xây dựng V (tên mới: Công ty TNHH K) có xác lập quan hệ dịch vụ về việc thi công phần thô của phần thân Block B khu căn hộ Roxana Plaza (Phần nhân công + thiết bị + vật tư, "gói thầu 3", từ Đợt 1 đến Đợt 9). Những nội dung mà các bên thỏa thuận, xác lập trong hợp đồng là do các bên hoàn

toàn tự nguyện, khi xác lập các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không vi phạm đạo đức xã hội và điều cấm của pháp luật nên là cơ sở pháp lý làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty B đã thực hiện thi công gói thầu trên và các phát sinh cho Công ty KHC tại công trình trên đến 25/12/2020 với tổng số tiền: 37.705.434.518 đồng. Công ty KHC đã thanh toán tổng số tiền 31.605.450.746 đồng, còn lại 6.099.983.772 đồng chưa thanh toán. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải thanh toán tiền gốc 6.099.983.772 đồng và lãi chậm trả tính từ ngày 02/4/2021 đến thời điểm xét xử vụ án với lãi suất 10,3%/năm x 150%.

[2.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 3.832.107.064 đồng, trong đó bao gồm số tiền 835.622.821 đồng của các hóa đơn 0000070 và 0000069 cùng ngày 18/01/2021, công nợ phát sinh chưa xuất hóa đơn 2.996.484.243 đồng. Đồng thời, nguyên đơn rút yêu cầu về việc tính lãi suất chậm trả đối với số tiền yêu cầu. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc số tiền 3.832.107.064 đồng.

[2.3] Đối với yêu cầu thanh toán số tiền gốc còn lại là 2.267.876.270 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.4] Tại Biên bản họp số 72/20/BBH/VVC ngày 22/12/2020 được lập giữa Công ty B và Công ty KHC. Công ty KHC đã xác nhận công nợ còn nợ tổng số tiền là 2.734.472.438 đồng (chưa tính số tiền giữ lại để bảo hành cho việc thực hiện công trình là 1.558.404.270 đồng). Quá trình tố tụng, nguyên đơn xác định, bị đơn đã thanh toán số tiền 2.025.000.000 đồng theo các mục 3.4.1, 3.4.2 và 3.4.3 vào các ngày 23/12/2020, 25/01/2021, 02/03/2021 và 15/03/2021. Số tiền còn lại chưa thanh toán theo thỏa thuận là 709.472.438 đồng. Bên cạnh đó, tại Mục 3.1 Điều 3 của Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 0002/2019/HĐTC/VVC ngày 23/01/2019, hai bên thỏa thuận thời hạn quyết toán giá trị bảo hành đến ngày 05/01/2021. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền thi công còn nợ 709.472.438 đồng và tiền bảo hành cho việc thực hiện công trình 1.558.404.270 đồng, tổng số tiền nợ gốc 3.148.034.570 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Đối với yêu cầu tính lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ:

[2.5.1] Về thời gian tính lãi suất: Căn cứ theo Biên bản họp số 72/20/BBH/VVC ngày 22/12/2020, Công ty KHC cam kết đến ngày 15/3/2021 trả xong toàn bộ khoản nợ trên cho nguyên đơn và thanh toán tiền bảo hành ngày 05/01/2021. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 05/4/2021 cho toàn bộ số tiền yêu cầu, thời gian yêu cầu tính lãi là 25 tháng. Xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5.2] Đối với mức lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ: Nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 10%/năm. Theo biên bản xác minh ngày 28/4/2023 tại Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - chi nhánh Thuận An, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Thủ Dầu Một, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Bắc Bình Dương thì mức lãi suất cho vay bình quân của 3 ngân hàng là 11,5%/năm. Nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 2.734.472.438 đồng x 10%/năm x 25 tháng =

880.158.300 đồng là không vượt quá mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6] Đối với yêu cầu buộc nghĩa vụ liên đới của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần KHC G: Nguyên đơn cho rằng tại Biên bản họp số 01/21/BBH-KHC ngày 14/01/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có cam kết thay bị đơn trả khoản tiền còn nợ cho nguyên đơn. Tuy nhiên, Biên bản họp số 01/21/BBH-KHC ngày 14/01/2021 do nguyên đơn cung cấp không có ý kiến xác nhận của phía bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Từ những phân tích trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cần buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền gốc và lãi là 3.148.034.570 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc nghĩa vụ liên đới trả nợ của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần KHC G.

[2.5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

[2.6] Án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên toàn bộ số tiền có nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; Điều 39; các Điều 91, 92, 144, 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; các Điều 235, 244, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

- Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 85, Điều 87 và Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng B với bị đơn Công ty TNHH K (tên cũ Công ty cổ phần KHC V) về việc "Tranh chấp hợp đồng thi công" đối các yêu cầu:

Buộc bị đơn Công ty TNHH K (tên cũ Công ty cổ phần KHC V) phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng B số tiền 835.622.821 đồng của các hóa đơn 0000070 và 0000069 cùng ngày 18/01/2021 và tiền lãi tương ứng.

Buộc bị đơn Công ty TNHH K (tên cũ Công ty cổ phần KHC V) phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng B số tiền lãi phạt quá hạn bằng 150% tiền lãi chậm trả.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng B với bị đơn Công ty TNHH K (tên cũ Công ty cổ phần KHC V) về việc "Tranh chấp hợp đồng thi công".

Buộc bị đơn Công ty TNHH K (tên cũ Công ty cổ phần KHC V) phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng B tổng số tiền 3.148.034.570 đồng (ba tỷ một trăm bốn mươi tám triệu không trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi đồng), trong đó: Tiền nợ gốc là 2.267.876.270 đồng (hai tỷ hai trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi đồng) và tiền lãi chậm trả là 880.158.300 đồng (tám trăm tám mươi triệu một trăm năm mươi tám nghìn ba trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng B về việc buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần KHC G liên đới cùng bị đơn Công ty TNHH K (tên cũ Công ty cổ phần KHC V) thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn Công ty TNHH K (tên cũ Công ty cổ phần KHC V) phải chịu 94.960.691 đồng (chín mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi nghìn sáu trăm chín mươi mốt đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng B số tiền tạm ứng án phí 57.560.484 đồng (năm mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi nghìn bốn trăm tám mươi bốn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003710 ngày 02/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án sơ thẩm hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Châu Thị Hoài Phương